|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍ MINH I**Họ và tên:………………………………..Lớp:……………………………………… | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ II****NĂM HỌC : 2022-2023****MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4****Phần đọc thầm và làm bài tập** **(**thời gian làm bài 40 phút) |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | Nhận xét của thầy cô……………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………. ………………………………………………………………………. |

**A.Đọc thành tiếng(3 điểm) :……………………………**

**B..Đọc thầm và trả lời câu hỏi**

**Ngụ ngôn về ngọn nến**

Một tối mất điện, ngọn nến được đem ra đặt ở giữa phòng. Người ta châm lửa cho ngọn nến và nến lung linh cháy sáng. Nến hân hoan nhận ra rằng ngọn lửa nhỏ nhoi của nó đã đem lại ánh sáng cho cả căn phòng. Mọi người đều trầm trồ: “Ồ, nến sáng quá, thật may, nếu không chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì mất.”. Nghe thấy vậy, nến vui sướng dùng hết sức mình đẩy lui bóng tối xung quanh.

Thế nhưng, những dòng sáp nóng đã bắt đầu chảy ra lăn dài theo thân nến. Nến thấy mình càng lúc càng ngắn lại. Đến khi chỉ còn một nửa, nến giật mình: “Chết mất, ta mà cứ cháy mãi thế này thì chẳng bao lâu sẽ tàn mất thôi. Tại sao ta phải thiệt thòi như vậy?”. Nghĩ rồi, nến nương theo một cơn gió thoảng để tắt phụt đi. Một sợi khói mỏng manh bay lên rồi nến im lìm. Mọi người trong phòng nhớn nhác bảo nhau: “Nến tắt mất rồi, tối quá, làm sao bây giờ?”. Ngọn nến mỉm cười tự mãn và hãnh diện vì tầm quan trọng của mình. Nhưng bỗng một người đề nghị: “Nến dễ bị gió thổi tắt lắm, để tôi đi tìm đèn dầu”. Mò mẫm trong bóng tối ít phút, người ta tìm được một chiếc đèn dầu. Đèn dầu được thắp lên còn ngọn nến cháy dở thì bị bỏ vào ngăn kéo tủ.

Ngọn nến buồn thiu. Thế là từ nay nó sẽ bị nằm trong ngăn kéo, khó có dịp cháy sáng nữa. Nến chợt hiểu rằng hạnh phúc của nó là được cháy sáng vì mọi người, dù chỉ có thể cháy với ánh lửa nhỏ và dù sau đó nó sẽ tan chảy đi.

Bởi vì nó là ngọn nến.

(Theo nguồn Internet)

*\*Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng*

**Câu 1**. (1 điểm) Vì sao khi được đốt sáng, ngọn nến rất vui sướng ?

A. Vì khi đốt sáng, ngọn nến trở nên lung linh rất đẹp

B. Vì ngọn nến thấy ngọn lửa nhỏ nhoi của nó đã đem ánh sáng cho cả nhà, nó thấy mình có ích

C. Vì nó nhận ra mình có sức mạnh đẩy lùi, chiến thắng được cả bóng tối

**Câu 2.** (0,5 điểm)Vì sao ngọn nến lại nương theo gió để tắt đi không chiếu sáng nữa?

A. Vì khi cháy bị nóng quá, nến đau không chịu đựng được

B. Vì gió to, nến khó lòng chống chọi lại được

C. Vì nến sợ mình sẽ cháy hết, sẽ chịu thiệt thòi.

**Câu 3**. (0,5 điểm) Ngọn nến có kết cục như thế nào?

A. Bị bỏ trong ngăn kéo, nằm buồn thiu, khó có dịp cháy sáng nữa

B. Được cắm trên một chiếc bánh sinh nhật

C. Được để trong hộp đồ khâu của bà dùng để chuốt cho săn chỉ

**Câu 4.** (0,5 điểm) Ngọn nến hiểu ra điều gì?

A. Ánh sáng của nến không thể so được với ánh sáng của đèn dầu

B. Là ngọn nến thì chỉ có thể được dùng khi mất điện

C. Hạnh phúc là được cháy sáng, sống có ích cho mọi người, dù sau đó có thể sẽ tan chảy đi

**Câu 5.** (1 điểm) Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Câu 6.** (0,5 điểm) Câu: “Nến tắt mất rồi, tối quá, làm sao bây giờ ?” thuộc loại câu nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Câu kể | B. Câu hỏi | C. Câu cảm | D. Câu khiến |

**Câu 7.** (0,5 điểm) Trong câu: “Thế nhưng, những dòng sáp nóng đã bắt đầu chảy ra lăn dài theo thân nến.”, bộ phận nào là vị ngữ?

A. đã bắt đầu chảy ra lăn dài theo thân nến

B. chảy ra lăn dài theo thân nến

C. lăn dài theo thân nến

**Câu 8.** (0,5 điểm) Dòng nào dưới đây gồm các từ đồng nghĩa với từ “lạc quan”?

A. tin tưởng, phấn khởi, hi vọng

B. tin tưởng, chán đời, thất vọng

C. rầu rĩ, bi quan, chán chường

**Câu 9.** (1 điểm) Hãy chuyển câu kể sau thành câu cảm :

Tôi đang buồn.

……………………………………………………………………………………….

**Câu 10.** (1 điểm) Thêm trạng ngữ vào chỗ trống để hoàn thiện các câu sau:

a) Trạng ngữ chỉ nơi chốn:

.............................................................., nến đã được thắp lên.

b) Trạng ngữ chỉ thời gian:

..................................................................., nến được thắp lên.

**Đề kiểm tra đọc thành tiếng kì II lớp 4**

**Năm học : 2022- 2023**

**Phần đọc thành tiếng (3 điểm)**

GV cho HS bốc thăm đọc một trong các đoạn của bài văn sau và trả lời câu hỏi về nội dung của bài đọc.

1. Đường đi Sa Pa (Trang 102 - TV4/ Tập 2) -

2. Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất (Trang 114 - TV4/ Tập 2)

3. Dòng sông mặc áo (Trang 118 - TV4/ Tập 2)

4. Ăng-co Vát (Trang 123 - TV4/ Tập 2)

5. Con chuồn chuồn nước (Trang 127 - TV4/ Tập 2)

6. Vương quốc vắng nụ cười (tiếp theo) (Trang 143 - TV4/ Tập 2)

7. Con chim chiền chiện (Trang 148 - TV4/ Tập 2)

8. Ăn “mầm đá” (Trang 157 - TV4/ Tập 2)

**Đề kiểm tra cuối kì II -lớp 4**

**Môn :Tiếng việt**

**Năm học : 2022- 2023**

**B. Phần viết**

**I. Chính tả (2 điểm): Nghe viết - 15 phút**

**Viết đoạn :Một buổi tối mất điện…bóng tối xung quanh**

**II. Tập làm văn (8 điểm) - 35 phút**

Đề bài : Xung quanh em có rất nhiều con vật nuôi.Hãy tả một con vật mà em thích.

Đáp án và biểu điểm

**Biểu điểm**

**I. KIỂM TRA ĐỌC:**

**1. Phần đọc tiếng: 3 điểm**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm: 2 điểm.

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; đọc đúng tiếng từ (Không đọc sai quá 5 tiếng): 2 điểm

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

Đáp án:câu 1;câu 5; câu 9; câu 10- mỗi câu 1 điểm. Những câu 2; câu 3; câu 4; câu 6; câu 7; câu 8 mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| Câu 1: BCâu 2:CCâu 3:ACâu 4:CCâu 5:Sống có ích , đem lại niềm vui niềm hạnh phúc cho người khác. | Câu 6:BCâu 7:ACâu 8:ACâu 9:Ôi, tôi buồn quá!....Ngoài ra có nhiều cách khác.Câu 10: Ví dụ: a)Trên bàn, nến đã được thắp sáng….b)Buổi tối, nến….thắp sáng |

Ma trận

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |   |
| **1** |  Đọc hiểu văn bản | Số câu | 2 |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 5 |
| Câu số | 1;2 |  | 3 |  | 4 |  |  | 5 |  |
| Số điểm | 1,5 |  | 0,5 |  | 0,5 |  |  | 1 | 3,5 |
| **2** |  Kiến thức tiếng Việt | Số câu |  |  | 1 |  | 2 | 1 |  | 1 | 5 |
| Câu số |  |  | 6; |  | 7;8 | 9 |  | 10 |  |
| Số điểm |  |  | 0,5 |  | 1 | 1 |  | 1 | 3,5 |
|  Tổng | Số câu | 2 |  | 2 |  | 3 | 1 |  | 2 | 10 |
| Số điểm | 1 |  | 1,5 |  | 1,5 | 1 |  | 2 | 7 |

Phần viết:

**II. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)**

**1. Chính tả: 2 điểm**

- Tốc độ viết đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cữ chữ; trình bày đúng quy định, bài viết sạch, đẹp: 1 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

- Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,… bị trừ 0,25 điểm toàn bài

**2. Tập làm văn: 8 điểm**

A - Yêu cầu:

- Học sinh viết được bài văn tả con vật với bố cục rõ ràng: dàn ý có đủ 3 phần gồm mở bài, thân bài, kết bài. (Khuyến khích những em biết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng)

- Dùng từ chính xác, biết dùng từ gợi tả, biết sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa,… khi miêu tả, viết câu đúng ngữ pháp, đúng chính tả.

- Diễn đạt lưu loát.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

B - Biểu điểm:

- Mở bài: 1 điểm

- Thân bài: 4 điểm

+ Nội dung: 1,5 điểm;

+ Kỹ năng: 1,5 điểm; Cảm xúc: 1 điểm

- Kết bài: 1 điểm

- Chữ viết: 0,5 điểm

- Sáng tạo: 1 điểm.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍ MINH I**Họ và tên:………………………………..Lớp:……………………………………… | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ II****NĂM HỌC : 2022-2023****MÔN KHOA HỌC LỚP 4****(**thời gian làm bài 40 phút) |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | Nhận xét của thầy cô……………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………. ………………………………………………………………………. |

***Khoanh tròn vào chữ cái đặt câu trả lời đúng***

**Câu 1:** (0,5 điểm) Không khí được coi là trong lành khi nào?

A. Hoàn toàn không có bụi

B. Hoàn toàn không có vi khuẩn

C. Hoàn toàn không có hơi nước

D. Lượng các chất bẩn, chất độc lẫn trong không khí ở dưới mức có hại cho sức khỏe con người và cho các sinh vật khác.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Động vật cần gì để sống và phát triển?

A. Có đủ không khí, không cần thức ăn, nước uống

B. Không cần không khí, thức ăn, nước uống và ánh sáng

C. Cần có đủ không khí, nước uống và ánh sáng

D. Cần có đủ không khí, thức ăn, nước uống và ánh sáng

**Câu 3:** (0,5 điểm) Con người sử dụng ánh sáng vào những việc nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Sản xuất | B. Học tập | C. Giải trí | D.Tất cả các việc trên |

**Câu 4**: (0,5 điểm) Những trường hợp nào sau đây không là nguyên nhân làm ô nhiễm không khí?

A. Xả phân nước thải bừa bãi

B. Sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu

C. Khai thác sử dụng năng lượng mặt trời, gió thay cho dùng than, củi

D. Khói từ nhà máy

**Câu 5**: (1 điểm) Điều gì xảy ra với cây nếu như không hề có ánh sáng?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cây vẫn sống nhưng rụng hết lá | B. Cây vẫn sống nhưng còi cọc chậm phát triển |
| C. Cây không thể sống được | D. Cây sẽ quen dần với cuộc sống không có ánh sáng |

**Câu 6:** (1 điểm) Tại sao người ta phải sục khí vào trong nước ở bể cá?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Để cung cấp khí các-bô-níc cho cá |  C. Để cung cấp khí ô-xi cho cá |
| B. Để cung cấp khí ni-tơ cho cá |  D. Để cung cấp hơi nước cho cá |

**Câu 7**: (0,5 điểm) Trong quá trình trao đổi chất giữa động vật và môi trường, động vật lấy những gì từ môi trường?

A. Khí ô-xi, các chất khoáng và nước

B. Khí ô-xi, các chất hữu cơ có trong thức ăn (từ thực vật hoặc động vật khác) và nước.

C. Khí các-bô-níc, các chất hữu cơ có trong thức ăn và nước

D. Khí các-bô-níc, các chất khoáng và nước

**Câu 8**: (0,5 điểm) Ý kiến nào sau đây nói không đúng về thực vật?

A. Thực vật lấy khí các-bô-níc và thải khí ô-xy

B. Hô hấp ở thực vật chỉ xảy ra ban ngày

C. Thực vật cần ô - xy trong quá trình quang hợp

D. Trong quá trình quang hợp thực vật chỉ hấp thụ chất khoáng

**Câu 9:** (1,5 điểm) Viết chữ Đ vào trước ý đúng, và chữ S vào trước những ý sai:

A. Con người có thể dùng ánh sáng nhân tạo (đèn điện) để thay thế hoàn toàn ánh sáng tự nhiên (Ánh sáng mặt trời)

B. Ánh sáng giúp con người nhìn thấy mọi vật, phân biệt được màu sắc, kẻ thù, các loại thức ăn, nước uống,...

C. Sự sống vần tồn tại và phát triển tốt khi không có ánh sáng mặt trời

D. Ánh sáng mặt trời giúp cơ thể tổng hợp vi – ta – min D, giúp răng và xương chắc khỏe và sưởi ấm cho cơ thể

E. Ánh sáng mặt trời không có hại gì đến cơ thể người

**Câu 10**: (2 điểm) Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất của thực vật?



**Câu 11:** a(1,5 điểm)

a)Điền các từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau cho phù hợp

- Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, ánh sáng, không khí con vật này sẽ ........................................vì ……………..

- Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, không khí, thức ăn con vật này sẽ ………………................ vì ……………………………………………..

Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, không khí, thức ăn, ánh sáng con vật này sẽ ……………………………............... vì …………………..

b)Điền từ vào chỗ chấm để hoàn thành chuỗi thức ăn dưới đây:



**Đáp án môn Khoa học**

**. Đáp án: Đề thi học kì 2 môn Khoa học lớp 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | D | D | D | C | C | C | B | B |
| **Điểm** | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 1 | 0,5 | 0,5 |

**Câu 9:** (1,5 điểm) S – Đ – S – Đ – S

Nếu sai một trường hợp trừ 0,25 điểm; sai 2 trường hợp trừ 0,75 điểm; sai 3 trường hợp trừ 1 điểm

**Câu 10:** (2 điểm) Nếu thiếu hoặc sai ý Dưới ánh sáng mặt trời trừ 0,5 điểm; thiếu hoặc sai mỗi ý vào chỗ chấm còn lại trừ 0,25 điểm



**Câu 11**: (1,5 điểm)-Phần a:1 điểm, phần b 0,5 điểm- lựa chọn cho điểm thích hợp

Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, ánh sáng, không khí con vật này sẽ chết vì thiếu thức ăn

Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, không khí, thức ăn con vật này sẽ yếu ớt vì thiếu ánh sáng

Nuôi một con vật trong điều kiện có đầy đủ nước, không khí, thức ăn, ánh sáng con vật này sẽ sống bình thường vì có đủ các điều kiện sống

b. Thứ tự điền: lúa, gà, diều hâu

**Ma trận đề Khoa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mạch kiến thức, KN | Số câu / số điểm | **Mức 1+2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1. Không khí** | Câu số | 1;4 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| *Số điểm* | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **2.****Ánh sáng** |  Câu số | 3;5 |  |  |  | 9 |  | 3 |  |
| *Số điểm* | 1,5 |  |  |  | 1,5 |  | 3 |  |
| **5.****Trao đổi chất ở thực vật** |  Câu số |  |  | 8 |  | 6 |  | 2 |  |
| *Số điểm* |  |  | 0,5 |  | 1 |  | 1,5 |  |
| **6.****Trao đổi chất ở động vật** |   Câu số | 2;7; | 10 |  | 11(a) |  |  | 2 | 1,5 |
| *Số điểm* | 1 | 2 |  | 1 |  |  | 1 | 3 |
| **7. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên** |   Câu số |  |  |  | 11(b) |  |  |  | 0,5 |
| *Số điểm* |  |  |  | 0,5 |  |  |  | 0,5 |
| **Tổng** |  Câu số |  |  |  |  |  |  | 9 | 2 |
| *Số điểm* |  |  |  |  |  |  | 6,5 | 3,5 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍ MINH I**Họ và tên:………………………………..Lớp:……………………………………… | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ II****NĂM HỌC : 2022-2023****MÔN TOÁN LỚP 4****(**thời gian làm bài 40 phút) |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | Nhận xét của thầy cô……………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………….  |

**A.Phần trắc nghiệm :*Khoanh tròn vào trước chữ cái đặt câu trả lời đúng:***

**Câu 1**(0,5 điểm)***:*** *So sánh phân số* $\frac{4}{5} $*và* $\frac{5}{6}$*ta được:*

***a******.*** $\frac{4}{5}$***>*** $\frac{5}{6}$ ***b. .*** $\frac{4}{5}$***<*** $\frac{5}{6} $***c .*** $\frac{4}{5}$***=*** $\frac{5}{6}$

**Câu 2:** Trong hình vẽ bên, các cặp cạnh song song với nhau là:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề thi học kì 2 lớp 4 môn Toán |

|  |  |
| --- | --- |
| a. AH và HC; AB và AH | c. AB và DC; AD và BC |
| b. AB và BC; CD và AD | d. AB và CD; AC và BD |

 |

**Câu 3**(0,5 điểm): Kết quả của phép tính $\frac{2}{5}$ + $\frac{1}{3}$ là

a.$\frac{3}{8}$ b. $\frac{11}{15}$ c.$\frac{1}{15}$ d. $\frac{2}{15}$

**Câu 4**(0,5 điểm): Tổng hai số bằng 150, số bé bằng số lớn .Số lớn là:

a.120 b.30 c.200 d.50

**Câu 5**(0,5 điểm): x x 30 = 90 giá trị của x là :

1. 270 b. 2700 c. 3 d.30

**Câu 6** (0,5 điểm): Một hình bình hành có cạnh đáy là 20m, chiều cao bằng cạnh đáy.Diện tích hình bình hành là:

1. 160 m2 b.1000 m c.80 m2 d. 320 m2

Phần tự luận

**Câu 7**(2 điểm): Tính

a.3 + =…………………………………………………………………………

=……………………………………………………………………………

b. x - =………………………………………………………………………

**Câu 8**: 1 điểm-Tìm x

a.X : = b. x x $\frac{3}{5} $= $\frac{2}{7} $x$ \frac{1}{2}$

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 9**(3 điểm)

Một thửa ruộng hình thoi có đường chéo lớn hơn đường chéo bé là 24 m, đường chéo lớn bằng $\frac{5}{2}$ đường chéo bé.

a.Tính đường chéo lớn và đường chéo bé thửa ruộng hình thoi?

b.Tính diện tích ruộng hình thoi.

1. Người ta trồng hoa cứ mỗi mét vuông trồng được 10 cây hoa .Hỏi cả ruộng trồng bao nhiêu cây hoa?

|  |  |
| --- | --- |
| …………………………………….…………………………………….…………………………………….…………………………………….…………………………………….………………………………………………………………………….……………………………………..……………………………………. | ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**Câu 10**: (1 điểm)

a.Điền số thích hợp

kg =….. g giờ =…….phút

b.Tính nhanh

(1-$\frac{1}{2})x(1-\frac{1}{3})x(1-\frac{1}{4})x......x(1-\frac{1}{2022})x(1-\frac{1}{2023})$

=…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Đáp án và ma trận đề toán

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu 1: b .0,5điểmCâu 2: c .0,5 điểmCâu 3: b.0,5 điểmCâu 4: a .0,5 điểmCâu 5: c. 0,5 điểmCâu 6: a.0,5 điểmCâu 7: 2+(0,5 điểm)(0,5 điểm). x - =(1 điểm)Câu 8: mỗi câu đúng 0,5 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| x= X=  | b. x x $\frac{3}{5} $= $\frac{2}{7} $x$ \frac{1}{2}$x x $\frac{3}{5}=\frac{1}{7}$x =$\frac{1}{7} :$ $\frac{3}{5}$x =$\frac{5}{21}$ |

Câu 11(2,5 điểm): HS vẽ được sơ đồ đường chéo lớn là 5 phần bằng nhau, đường chéo bé là 2 phần như thế.Hiệu số phần bằng nhau là  5-2 = 3 (phần) |  a) Đường chéo lớn thửa ruộng hình thoi là : 24: 3 x 5 = 40(m) - 0,5 điểmĐường chéo bé thửa ruộng hình thoi là: 40- 24 = 16 (m) – 0,5 điểmHoặc 24 : 3 x 2 = 16(m)b).Diện tích thửa ruộng hình thoi là: 1. x 16 : 2 = 320(m2) -0,5 điểm

c).Số cây hoa trồng được trên ruộng là :10 x 320 = 3200 (cây) -0,5 điểmĐáp số(0,5 điểm) : a. 40m và 16 m b.320 m2 c.3200 câyLưu ý phần tính đường chéo lớn và đường chéo bé hình thoi trong bài có nhiều cách khác nhauCâu 11: Mỗi phần đúng 0,25 điểma. kg = 400 g giờ = 48 phútb.(0,5 điểm) (1-$\frac{1}{2})x(1-\frac{1}{3})x(1-\frac{1}{4})x......x(1-\frac{1}{2022})x(1-\frac{1}{2023})$=$\frac{1}{2}x\frac{2}{3}x\frac{3}{4}x.......x\frac{2021}{2022}x\frac{2022}{2023}=\frac{1}{2023}$ |

Ma trận đề Toán

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức,****kĩ năng** | **Số câu và số điểm** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số,tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số | Số câu- câu số | 11 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | 0,5 |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |  |
| Cộng trừ nhân chia phân số -Tính thành phần chưa biết trong phép tính với phân số | Số câu- câu số | 13 | 7(a)1/2 | 15 | 17(b);8(a) |  | ½8(b) |  | ½10 | **2** | **2,5** |
| Số điểm | 0,5 | 1 | 0,5 | 1,5 |  | 0,5 |  | 0,5 | 1 | 3 |
| Chuyển đổi các số đo thời gian; thực hiện phép tính với số đo khối lượng | Số câu- câu số |  |  |  |  |  |  |  | ½10 | **0,5** | **0,5** |
| Số điểm |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |  | 0,5 |
| -Nhận biết tên các hình bình hành;hình thoi tính chu vi diện tích HCN; hình bình hành Giải toán có lời văn có 3 bước tính | Số câu- câu số | 12 |  | 24;6 |  |  | 19 |  |  | **3** | **1** |
| Số điểm | 0,5 |  | 1 |  |  | 3 |  |  | 1,5 | 3 |
| **Tổng** | Số câu | **3** | 0,5 | **3** | 1 |  | 1,5 |  | 1 | **6** | **4** |
| Số điểm | 1,5 | 1 | 1,5 | 1,5 |  | 3,5 |  | 1 | 3 | 7 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍ MINH I**Họ và tên:………………………………..Lớp:……………………………………… | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ II****NĂM HỌC : 2022-2023****MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ****(**thời gian làm bài 40 phút) |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | Nhận xét của thầy cô……………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………. ………………………………………………………………………. |

**Phần Lịch sử**

Khoanh vào trước ý trả lời đúng nhất.

**Câu 1**: Nhà Hậu Lê cho vẽ bản đồ Hồng Đức để làm gì?

a,Để quản lí đất đai, bảo vệ chủ quyền dân tộc

b)Để bảo vệ trật tự xã hội

c) Để bảo vệ quyền lợi của vua

**Câu 2**: Nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long năm nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a)1010 | b)1786 | c)938 | d) 1802 |

**Câu 3:** Điền các từ ngữ: (**thanh bình, khuyến nông, ruộng hoang, làng quê)** vào chỗ trống của các câu ở đoạn văn sau cho thích hợp:

Quang Trung ban bố "Chiếu .................................", lệnh cho dân đã từng bỏ ........................... phải trở về quê cũ cày cấy, khai phá ........................... . Với chính sách này, chỉ vài năm sau, mùa màng trở lại tươi tốt, làng xóm lại .........................

**Câu 4**: Những thành thị của nước ta phồn thịnh từ thế kỉ XVI-XVII là

a.Huế; Thăng Long; Hải Phòng

b. Thăng Long;Phố Hiến; Hội An

c. Thăng long;Hải Dương; Hội An

**Câu 5**: Nhà Hậu Lê đã làm gì để khuyến khích việc học tập? Em có nhận xét gì về việc làm của nhà Hậu Lê?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Phần Địa lý**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng

**Câu 6:** Ở đồng bằng duyên hải miền Trung:

a. Dân cư thưa thớt, chủ yếu là người Kinh và người chăm.
b. Dân cư tập trung khá đông đúc, chủ yếu là người Kinh, người Chăm.
c. Dân cư tập trung đông đúc, chủ yếu là người Kinh.

**Câu 7**: Ý nào dưới đây là điều kiện để đồng bằng Nam Bộ trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước?

a, Đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm ;Người dân cần cù lao động.

b, Có nhiều đất chua, đất mặn

c)Nằm bên sông Hồng.

d) Đất cát pha, khí hậu nóng ẩm

**Câu 8:** Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trồng để hoàn thành nội dung sau:

Thành phố Hồ Chí Minh nằm bên sông.......................................Đây là thành phố và là trung tâm công nghiệp...............................................của đất nước. Các sản phẩm công nghiệp của thành phố rất.........................., được tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và................................

**Câu 9**: Nối tên các thành phố ở cột A với thông tin ở cột B sao cho phù hợp.



**Câu 10**: Em hãy nêu vai trò của Biển Đông đối với nước ta.

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**Hướng dẫn chấm môn Lịch sử - Địa lý lớp 4**

Học sinh làm đúng, mỗi câu 1 điểm

**Câu 1:** a

**Câu 2:** b

**Câu 3:** Thứ tự các từ cần điền là: khuyến nông, làng quê, ruộng hoang, thanh bình.

(điền đúng mỗi từ 0,25đ)

**Câu 4:** b

**Câu 5:** Học sinh cần nêu được 3 ý lớn

- Đặt ra lễ xứng danh (lễ đọc tên người đỗ).

- Lễ vinh quy (lễ đón rước người đỗ cao về làng).

- Khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá dựng ở Văn Miếu.

Qua việc làm trên ta thấy thời Hậu Lê việc thi cử diễn ra nề nếp và có quy củ.

**Câu 6:** b

**Câu 7:** a

**Câu 8:** Thứ tự các từ cần điền là: Sài Gòn, lớn nhất, phong phú, xuất khẩu.

**Câu 9:** 

**Câu 10:** Biển đông có vai trò:

- Kho muối vô tận

- Có nhiều khoáng sản, hải sản quý

- Điều hoà khí hậu

- Có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vũng, vịnh thuận lợi cho việc phát triển du lịch và xây dựng các cảng biển.

**Bảng ma trận đề thi học kì 2 môn Sử - Địa lớp 4**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức,****kĩ năng** | **Số câu và số điểm** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1. Nhà Lê và việc tổ chức quản lí đất nước | Số câu | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long | Số câu | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Trường học Thời Hậu Lê | Số câu |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  | **1** |
| Số điểm |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  | **1,0** |
| Câu số |  |  |  |  |  |  |  | **5** |  |  |
| 4. Thành thị nước ta ở thế kỉ 16-17 | Số câu |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số |  |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |
| 5. Những chính sách về kinh tế và văn hóa của của Quang Trung | Số câu |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |
| 6. Đồng bằng Nam Bộ | Số câu | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số | **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thành phố Hồ Chí Minh | Số câu |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **1** |
| Số điểm |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **1,0** |
| Câu số |  |  |  |  |  | **8** |  |  |  |  |
| 8. Vùng biển Việt Nam | Số câu |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| Số điểm |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1** |
| Câu số |  |  |  | **10** |  |  |  |  |  | **1,0** |
| 9. Người dân và hoạt động sản xuất ở đồng bằng duyên hải miền Trung | Số câu | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số | **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10. Ôn tập | Số câu |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm |  |  | **1** |  |  |  |  |  | **1,0** |  |
| Câu số |  |  | **9** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **Số câu** | **4** |  | **2** | **1** | **1** | **1** |  | **1** | **7** | **3** |
| **Số điểm** | **4** |  | **2** | **1** | **1** | **1** |  | **1** | **7** | **3** |